



Mã số mẫu/ Sample Code:  
**00605.25**

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỐI LAI  
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, h. Thới Lai, tp. Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại trạm)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/6/2025

| TT/<br>No. | Chỉ tiêu/<br>Parameter              | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/<br>Result  | Phương pháp/<br>Test method | Tiêu chuẩn/<br>Standard |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1          | Coliforms (*)                       | CFU/100mL            | 0                   | ISO 9308-1: 2014 (E)        | < 1                     |
| 2          | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100mL            | 0                   | ISO 9308-1: 2014 (E)        | < 1                     |
| 3          | Độ đục (*)                          | NTU                  | 0,61                | SMEWW 2130 B:2023           | 2                       |
| 4          | Màu sắc (*)                         | TCU                  | < 5,0               | SWEWW 2120 C:2023           | 15                      |
| 5          | Mùi vị                              | -                    | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150&2160:2023        | Không có mùi, vị lạ     |
| 6          | Clo dư tự do                        | mg/L                 | 0,5                 | Đo tại hiện trường          | Trong khoảng 0,2 - 1,0  |
| 7          | pH (*)                              | -                    | 6,79 (24,6°C)       | TCVN 6492:2011              | 6,0 - 8,5               |

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

  
**Văn Quốc Thanh Thủy**

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Trần Trường Chinh**

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00606.25

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI  
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, h. Thới Lai, tp. Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Thới Thạnh, Thới Lai)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/6/2025

| TT/<br>No | Chỉ tiêu/<br>Parameter              | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/<br>Result  | Phương pháp/<br>Test method | Tiêu chuẩn/<br>Standard |
|-----------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1         | Coliforms (*)                       | CFU/100mL            | 0                   | ISO 9308-1: 2014 (E)        | < 1                     |
| 2         | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100mL            | 0                   | ISO 9308-1: 2014 (E)        | < 1                     |
| 3         | Độ đục (*)                          | NTU                  | 0,51                | SMEWW 2130 B:2023           | 2                       |
| 4         | Màu sắc (*)                         | TCU                  | < 5,0               | SWEWW 2120 C:2023           | 15                      |
| 5         | Mùi vị                              | -                    | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150&2160:2023        | Không có mùi, vị lạ     |
| 6         | Clo dư tự do                        | mg/L                 | 0,4                 | Đo tại hiện trường          | Trong khoảng 0,2 - 1,0  |
| 7         | pH (*)                              | -                    | 6,67 (22,3°C)       | TCVN 6492:2011              | 6,0 - 8,5               |

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Trần Trường Chinh

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00607.25

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỐI LAI  
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, h. Thới Lai, tp. Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tt. Thới Lai, h. Thới Lai)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/06/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/6/2025

| TT/<br>No. | Chỉ tiêu/<br>Parameter              | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/<br>Result  | Phương pháp/<br>Test method | Tiêu chuẩn/<br>Standard |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1          | Coliforms (*)                       | CFU/100mL            | 0                   | ISO 9308-1: 2014 (E)        | < 1                     |
| 2          | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100mL            | 0                   | ISO 9308-1: 2014 (E)        | < 1                     |
| 3          | Độ đục (*)                          | NTU                  | 0,57                | SMEWW 2130 B:2023           | 2                       |
| 4          | Màu sắc (*)                         | TCU                  | < 5,0               | SWEWW 2120 C:2023           | 15                      |
| 5          | Mùi vị                              | -                    | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150&2160:2023        | Không có mùi, vị lạ     |
| 6          | Clo dư tự do                        | mg/L                 | 0,4                 | Đo tại hiện trường          | Trong khoảng 0,2 - 1,0  |
| 7          | pH (*)                              | -                    | 6,57 (23,7°C)       | TCVN 6492:2011              | 6,0 - 8,5               |

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Trần Trường Chinh

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"